

CỘNG HOÀ DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO
Hoà bình-Độc lập-Dân chủ-Thống nhất-Thịnh vượng

CÔNG TY TNHH CAO SU ĐẮK LẮK
DAKLAORUCO

Số: 05Qđ-CT

Pakse, ngày 19 tháng 4 năm 2024

QUY ĐỊNH
Quản lý, sử dụng hoá chất

- Căn cứ Luật Lâm nghiệp (sửa đổi) năm 2019;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) năm 2013;
- Căn cứ Bộ Tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững FSC-STD-LAO-01-2020 EN;
- Xét đề nghị của Ban FSC Công ty.

Nay Công ty ban hành Quy định về quản lý, sử dụng hoá chất như sau:

I. Các nguyên tắc sử dụng hóa chất

1. Trong các hoạt động quản lý rừng tuyệt đối không sử dụng các loại hoá chất nằm trong danh mục cấm của FSC, WHO và của nhà nước CHDCND Lào.
2. Hạn chế tối đa sử dụng các loại phân bón vô cơ, tăng cường sử dụng phân vi sinh, phân hữu cơ, thuốc trừ sâu bằng chế phẩm sinh học .
3. Tăng cường áp dụng biện pháp phòng trừ dịch sâu bệnh hại tổng hợp.
4. Hoá chất sử dụng khi mua hoặc được cung cấp phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, có lưu nhãn mác.
5. Công nhân viên trong quản lý và khi sử dụng phải được tập huấn và phải tuân thủ các hướng dẫn, quy định của Nhà nước về vệ sinh, an toàn lao động và bảo vệ môi trường.
6. Không sử dụng hóa chất (bao gồm cả thuốc bảo vệ thực vật, phân bón các loại) trong phạm vi hành lang bảo vệ ven suối, khu kết nối bảo vệ đa dạng sinh học. Với khu rừng có giá trị bảo tồn cao (HCVF) khi sử dụng hoá chất phải cách xa khu bảo tồn từ 10 mét trở lên, đối với các ao, hồ nước, khu dân cư phải cách xa từ 30 mét trở lên.

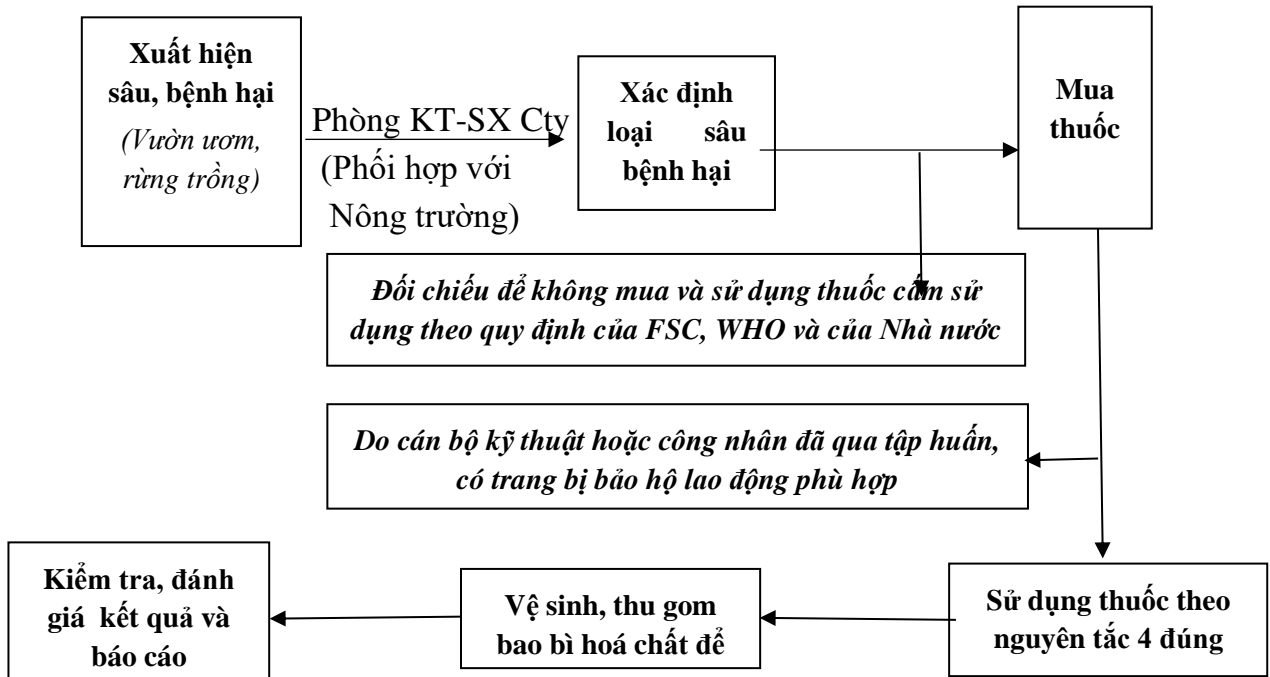
II. Phòng trừ sâu bệnh hại

* *Đối tượng*: Sâu bệnh hại thường xuất hiện ở các khu rừng non từ 1 đến 3 tuổi, rừng trong giai đoạn kiến thiết cơ bản và có thể xảy ra đối với rừng kinh doanh (trong giai đoạn khai thác mủ).

* *Nội dung*: Thường xuyên kiểm tra, giám sát để phát hiện sâu bệnh hại và kịp thời xử lý, xác định nguyên nhân, xây dựng kế hoạch, lịch trình giám sát, mở sổ theo dõi và đánh giá kết quả phòng trừ sâu bệnh hại.

1. Quy trình kiểm soát, sử dụng hóa chất

SƠ ĐỒ QUY TRÌNH



+ Phòng Kỹ thuật-Sản xuất, các Nông trường thường xuyên kiểm tra, theo dõi giám sát để phát hiện sâu bệnh hại kịp thời và đề xuất hướng xử lý;

+ Khi cơ sở phát hiện có sâu bệnh hại, phòng Kỹ thuật-Sản xuất phối hợp với các phòng ban liên quan và các Nông trường xác định loại sâu, bệnh hại và tìm giải pháp xử lý.

+ Sử dụng biện pháp dùng thuốc hoá học: Cán bộ kỹ thuật xác định loại thuốc sử dụng (sau khi đã đối chiếu) không thuộc danh mục hóa chất cấm sử dụng của FSC, WHO và của Nhà nước Lào, lập phương án xử lý trình lãnh đạo Công ty phê duyệt;

+ Giao cho phòng KD XNK mua với số lượng đủ dùng cho công việc, không dự trữ hóa chất tại kho Công ty;

+ Giao cho người đã được đào tạo, tập huấn sử dụng thuốc (pha chế và phun thuốc); khi sử dụng phải tuân thủ quy định của Nhà nước về an toàn lao động và môi trường: Mặc đầy đủ quần áo bảo hộ, găng tay, giày, mũ, kính; không ăn uống khi phun thuốc; sử dụng thuốc nồng độ, đúng liều lượng và hướng dẫn của nhà sản xuất, tuân thủ đúng giải pháp xử lý đã được phê duyệt;

+ Sau khi sử dụng hóa chất người sử dụng phải thu gom bao bì thuốc, rác thải để xử lý theo quy định; Cọ rửa sạch sẽ dụng cụ vừa sử dụng tránh để lưu lại thuốc trong dụng cụ; vệ sinh thân thể sạch sẽ sau khi sử dụng thuốc;

+ Phòng Kỹ thuật-Sản xuất chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát thường xuyên trong suốt quá trình sử dụng thuốc và lập báo cáo kết quả xử lý sâu bệnh hại lên Ban Giám đốc Công ty.

2. Người chịu trách nhiệm chính kiểm soát sử dụng hóa chất

Ông: Trưởng phòng KTSX công ty - Thường trực FSC Công ty

3. Kỹ thuật phòng trừ sâu bệnh hại

a. Một số loại thuốc phòng trừ sâu bệnh hại Công ty thường sử dụng

Biểu số 1: Danh mục thuốc phòng trừ sâu bệnh hại Công ty thường sử dụng

STT	Tên thuốc	Thành phần	Công dụng
1	DECO HEXA 5SC	Hexaconazole	Trị bệnh héo đen đầu lá do nấm, bệnh rụng lá Corynespora, bệnh nấm hồng, bệnh phấn trắng
2	Rinh Myn 720WP	(Metalaxy + Mancozeb)	Bệnh loét sọc mặt cao

b. Kỹ thuật phòng trừ

Người được phân công dùng thuốc hóa học phải qua tập huấn, khi sử dụng phải tuân thủ mọi hướng dẫn, quy định của Nhà nước về an toàn lao động và môi trường. Mang bảo hộ đầy đủ, phù hợp theo quy định, sử dụng thuốc đúng nồng độ, liều lượng và hướng dẫn của nhà sản xuất của Công ty, tuân thủ đúng các giải pháp xử lý đã được phê duyệt.

* Một số lưu ý khi tiến hành phun thuốc:

+ Đảm bảo an toàn lao động: Người thực hiện pha chế và phun thuốc có đủ bảo hộ lao động là quần áo bảo hộ, mũ bảo vệ đầu tóc, giày vải, găng tay, kính bảo vệ mắt.

+ Pha chế thuốc: Có đủ trang bị bảo hộ, không ăn uống hay hút thuốc khi pha thuốc và phun thuốc, pha đúng nồng độ, liều lượng, không dùng tay trực tiếp tiếp xúc với thuốc.

+ Thời điểm phun: Buổi sáng phun thuốc sau khi mặt trời mọc, lá cây đã khô sương hoặc phun vào buổi chiều khi chuẩn bị hết nắng để thuốc phát huy tác dụng, không bị phân hủy.

+ Hướng gió: Người phun thuốc phải phun ngược chiều gió và đi giật lùi để tránh thuốc bay vào người làm ảnh hưởng đến sức khỏe.

+ Cấm sử dụng hóa chất trong phạm vi cách nguồn nước 10 mét và cách hồ nước 30 mét.

+ Sau khi sử dụng hóa chất người sử dụng phải thu gom bao bì thuốc cẩn thận và xử lý theo đúng quy định; Cọ rửa dụng cụ vừa sử dụng sạch sẽ tránh để lưu lại thuốc trong dụng cụ; Vệ sinh thân thể sạch sẽ sau khi sử dụng thuốc.

III. Danh mục các loại hóa chất bị cấm sử dụng

Tiêu chí 10.7. của Bộ Tiêu chuẩn FSC-STD-LAO-01-2020 xác định rằng: “Tổ chức sẽ sử dụng các biện pháp quản lý dịch hại và lâm sinh tổng hợp nhằm tránh hoặc loại bỏ việc sử dụng thuốc trừ sâu hóa học. Tổ chức sẽ không sử dụng bất kỳ loại thuốc trừ sâu hóa học nào bị FSC cấm. Khi sử dụng thuốc trừ sâu, Tổ chức phải ngăn ngừa,

giảm thiểu và / hoặc sửa chữa những thiệt hại đối với các giá trị môi trường và sức khỏe con người.?

A. Các loại thuốc cấm sử dụng do các tổ chức quốc tế đề xuất và do Nhà nước Lào quy định

1. Thuốc trừ sâu có tính độc hại cao, theo quy định của FSC (Tiêu chuẩn FSC-STD-30-001aEN có hiệu lực từ tháng 4-2016):

1,3-dichloropropene, 2,4-D; 2,4-DB; 4-indol-3-ylbutyric acid, Aldicarb, Aldrin, Alpha-cypermethrin, Aluminium phosphide, Amitrole, Atrazine, abamectin, acephate, acequinocyl, acetamiprid, acetochlor, acrinathrin, acrolein, alachlor, alpha-chlorohydrin, aluminium phosphide, ametryn, amisulbrom, amitraz, anthraquinone, Arsen and its compounds, azaconazole, azafenidin, azamethiphos, azinphos-ethyl, azinphos-methyl, azocyclotin; Avando.

Benomyl, Brodifacoum, Bromadiolone, bendiocarb, benfuracarb, benthiavalicarb-isopropyl, beta-cyfluthrin; cyfluthrin, beta-cypermethrin, BHC mixed isomers, bifenthrin, bioallethrin, bioresmethrin, Borax; disodium tetraborate, Boric acid, bromethalin, bromoxynil, bromoxynil octanate, bromoxynil-butyrat, bromoxynil-heptanoate, bromoxynil-potassium, bronopol, butachlor, butocarboxim, butoxycarboxim;

Carbaryl, Carbosulfan, Chlordane, Chlorothalonil, Chlorpyrifos, Cyfluthrin, Cypermethrin, 2-ethylhexyl ester 2-(2,4-DP), Cadmium and its compounds, cadusafos, Calcium cyanide, calcium phosphide, captafol, captan, carbendazim, carbofuran, cartap; cartap hydrochloride, chinomethionat, chloralose, chlorantraniliprole, chlorethoxyfos, chlorfenapyr, chlorfenvinphos, chlorfluazuron, chlormephos, chloroacetic acid, chlorophacinone, chloropicrin, chlorotoluron, chlorpyrifos-methyl, cholecalciferol, clofentezine, coal tar oils; CAS 8002 29, copper oxychloride, copper sulfate (tribasic); copper hydroxide sulfate, copper(II) hydroxide; cupric hydroxide, coumaphos, coumatetralyl, cupric sulfate-tricupric hydroxide, cuprous oxide, cyanazine, cyenopyrafen, cyflufenamid, cyhalothrin, cyhexatin, cyphenothrin, cyproconazole, cyprodinil;

Dma salt (= dichlorprop, dma salt), DDT, Deltamethrin, Diazinon, Dicamba, dma salt, Dicofol, Dieldrin, Dienochlor, Difethialone, Diflubenzuron, Dimethoate, Diquat dibromide, Diuron, daminozide, demeton-S-methyl, diafenthiuron, dichlofluanid, dichlorvos; DDVP, diclofop-methyl, dicrotophos, difenacoum, diflumetorim, dimethametryn, dimethyl disulfide, dimethylvinphos, dimoxystrobin, dinobuton, dinocap, dinoterb, diphacinone, disulfoton, DNOC and its salts, dodine;

Endosulfan, Endrin, Epoxiconazole, Esfenvalerate, Ethion, EDB; ethylene dibromide, edifenphos, emamectin benzoate, empenthrin, endothal, endothal-dipotassium, EPN, ergocalciferol, ethiofencarb, ethoprophos, ethyl-parathion, etofenprox, etoxazole, etridiazole;

Fenitrothion, Fipronil, Fluazifop-butyl, Flufenoxuron, famoxadone, famphur (ESA), fenamiphos, fenarimol, fenazaquin, fenbutatin oxide, fenobucarb, fenoxycarb,

fenpropathrin, fenpyroximate, fenthion, fentin, fentin acetate, fentin hydroxide, fenvalerate, flocoumafen, fluazinam, fluchloralin, flucythrinate, flumioxazin, fluopyram, fluoroacetamide, fluquinconazole, flusilazole, flusulfamide, fluthiacet, forchlorfenuron, formaldehyde, formetanate, formetanate hydrochloride, fosthiazate, furathiocarb, furfural;

Gamma-cyhalothrin, glufosinate-ammonium, guazatine;

Heptachlor, Hexachlorobenzene, Hexazinone, Hydramethylnon, halfenprox, haloxyfop-methyl, heptenophos, hexaflumuron, hexythiazox, hydrogen cyanide;

Isoxaben, imazalil, imicyafos, imidacloprid, iminoctadine triacetate, imiprothrin, indoxacarb, iodomethane, ioxynil, ioxynil octanoate, ioxynil-sodium, iprodione, iprovalicarb, isocarbophos, isofenphos-methyl, isoprocab, isopyrazam, isoxaflutole, isoxathion; Kadethrine, kresoxim-methyl; Lamba-cyhalothrin, lindane; gamma-HCH, Lead and its compounds, linuron, lufenuron; Mancozeb, Metam sodium, Methoxychlor, Methylarsonic acid (monosodium methanearsenate, MSMA), Methylbromide, Mirex, magnesium phosphide, malathion, maneb, mecarbam, mepanipyrim, meptyldinocap, Mercury and its compounds, metaldehyde, methamidophos, methidathion, methiocarb, methomyl, methyl bromide, methyl isothiocyanate, metiram, metofluthrin, metribuzin, mevinphos, milbemectin, Mineral oils; paraffin oils cont. > 3 % DMSO (Dimethyl sulphoxide), molinate, monocrotophos; Naled, nabam, nicotine, nitrapyrin, novaluron, noviflumuron; Oryzalin, Oxydemeton-methyl, Oxyfluorfen, omethoate, oxadiazon, oxamyl;

Paraquat, Parathion, Pendimethalin, Pentachlorophenol, Permethrin, Propaquizafop, Propyzamide, paraquat dichloride, parathion-methyl, phenothrin, phenthoate, phorate, phosalone, phosmet, phosphamidon, phoxim, picloram, picoxystrobin, pindone, piperophos, pirimicarb, pirimiphos-methyl, prallethrin, procymidone, profenofos, profoxydim, propachlor, propanil, propargite, propetamphos, propoxur, pronamide, prothiofos, pymetrozine, pyraclofos, pyraclostrobin, pyraflufen, pyrazachlor, pyrazophos, pyrethrins (pyrethrum), pyridaben, pyridaphenthion, pyridin-4-amine, pyrifluquinazon, pyriftalid, pyrimidifen; Quintozene, quinalphos, quizalofop-P-tefuryl; Resmethrin, rotenone; Simazine, Sodium cyanide, Sodium fluoroacetate 1080, Strychnine, Sulfluramid, 2,4,5-T, sedaxane, silafluofen, spirodiclofen, spiromesifen, sulfotep, sulfuryl fluoride;

Tebufenozide, Terbumeton, Terbutylazine, Terbutryn, Thiodicarb, Toxaphene, (Camphechlor), Triadimenol, Trifluralin, tau-fluvalinate, TCMTB; 2-(thiocyanatomethylthio) benzothiazole, tebufenpyrad, tebupirimfos, teflubenzuron, tefluthrin, temephos, tepraloxydim, terbufos, tetrachlorvinphos, tetraconazole, tetramethrin, theta-cypermethrin, thiacloprid, thiocyclam, thiofanox, thiometon, thiophanate-methyl, thiosultap monosodium, thiram, tolfenpyrad, tolylfluanid, tralomethrin, transfluthrin, triazamate, triazophos, triazoxide, tribufos, trichlorfon, trifloxystrobin, triflumuron; Vamidothion, vinclozolin; Warfarin; XMC; Zeta-cypermethrin, Zinc phosphide, zineb, ziram, ZXI 8901;

3. Các hóa chất có tính độc hại đặc biệt (nhóm IA) theo WHO

Aldicarb, Brodifacoum, Bromadiolone, Bromethalin, Calcium cyanide, Captafol, Chlorethoxyfos, Chlormephos, Chlorophacinone, Difenacoum, Difethialone, Diphacinone, Disulfoton, EPN, Ethoprophos, Flocoumafen, Hexachlorobenzene, Mercuric chloride, Mevinphos, Parathion, Parathion-methyl, Phenylmercury acetate, Phorate, Phosphamidon, Sodium fluoroacetate, Sulfotep, Tebupirimfos, Terbufos

4. Các hoá chất có tính độc hại cao (nhóm IB) theo WHO

Acrolein, Allyl alcohol, Azinphos-ethyl, Azinphos-methyl, Blasticidin-S, Butocarboxim, Butoxycarboxim, Cadusafos, Calcium arsenate, Carbofuran, Chlorfenvinphos, 3-Chloro-1,2-propanediol, Coumaphos, Coumatetralyl, Zeta-cypermethrin, Demeton-S-methyl, Dichlorvos, Dicrotophos, Dinoterb, DNOC, Edifenphos, Ethiofencarb, Famphur, Fenamiphos, Flucythrinate, Fluoroacetamide, Formetanate, Furathiocarb, Heptenophos, Isoxathion, Lead arsenate, Mecarbam, Mercuric oxide, Methamidophos, Methidathion, Methiocarb, Methomyl, Monocrotophos, Nicotine, Omethoate, Oxamyl, Oxydemeton-methyl, Paris green, Pentachlorophenol, Propetamphos, Sodium arsenite, Sodium cyanide, Strychnine, Tefluthrin, Thallium sulfate, Thiofanox, Thiometon, Triazophos, Vamidothion, Warfarin, Zinc phosphide .

5. Danh mục thuốc bảo vệ thực vật không được phép sử dụng tại CHDCND Lào

Thuốc trừ sâu		
Aldrin	Dinitrocresol	Methamidophos
BHC	Demeton	Methomyl
Chlordane	Endrin	Methyl parathion
Chlordimeform	Endosulfan	Monocrotophos
Chlorfenvinphos	Ethyl Parathion	Polychlorocamphene
Chlorthiophos	EPN	Phorate
Cyhexatine	Heptachlor	Schradan
DDT	Hexachloro cyclohexane	TEPP
Dieldrin	Leptophos	Toxaphene
Dimefox	Lindane	
Thuốc diệt nấm + A175:F191		
Binapacryl	Mercury and mercury compounds	PMA
Captafol	MEMC	Selenium compound
Cycloheximide		
Thuốc diệt chuột		
Chlorobenzilate	Sodium fluoroacetate	
Thuốc diệt cỏ		
2,4,5-T	Dinoterb acetate	Sodium chlorate

Dinoseb	Paraquat	
Thuốc xông khói		
EDB	Ethylene oxide	Methyl bromide
Các loại thuốc khác		
Arsenic compound	Daminozide	Phosphamidon
Calcium arsenate	Fluoroacetamide	Sodium Arsenite
DBCP	Oxamyl	Thallium (i) sulfate

(Thông báo số 1098/CTT, ngày 08/06/2020 của Cục Trồng trọt Bộ Nông Lâm nghiệp V/v: Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cho phép sử dụng và cấm sử dụng tại CHDCND Lào đối với việc quản lý trong sản xuất mùa mưa năm 2020)

B. Quản lý, sử dụng thuốc

Công ty thường xuyên đối chiếu các loại hoá chất Công ty mua, sử dụng với danh mục hóa chất do FSC cấm sử dụng tại Tiêu chuẩn FSC-STD-30-001a EN ngày 10/2/2015 và tiêu chuẩn FSC-STD-30-001a EN cập nhật ngày 02/10/2017; Danh mục hóa chất bị cấm sử dụng theo quy định của Nhà nước Lào.

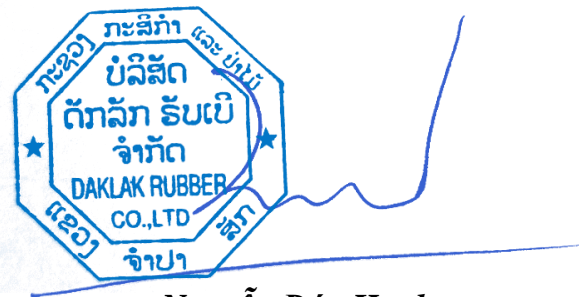
Việc xuất, nhập các loại hoá chất phải có sổ sách theo dõi. Trường hợp có dịch sâu bệnh hại sau khi phun thuốc phòng trừ phải có kiểm tra, đánh giá kết quả của việc tổ chức phòng chống dịch và sử dụng thuốc.

Trên đây là Quy định về quản lý, sử dụng thuốc hoá chất. Giám đốc Công ty yêu cầu các phòng ban chức năng, các Nông trường nghiêm chỉnh chấp hành./.

Nơi nhận:

- Ban giám đốc;
- Phòng ban công ty;
- Đơn vị;
- Lưu VT, ban FSC.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Nguyễn Đức Hạnh